

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM



TÀI LIỆU
HỘI NGHỊ CÁN BỘ, VIÊN CHỨC
VÀ DUYỆT KẾ HOẠCH
NĂM 2022

NGHỆ AN - 2021

MỤC LỤC

Chương trình Hội nghị

Phần 1. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm học 2020 – 2021

Phần 2. Kế hoạch năm tài chính 2022

Phần 3. Các biểu thống kê chi tiết kế hoạch năm tài chính 2022

1. Biểu 1a. Quy mô đào tạo sinh viên chính quy năm 2022
2. Biểu 1b. Quy mô đào tạo sau đại học năm 2022
3. Biểu 1c. Quy mô đào tạo VL-VH, Từ xa năm 2022
4. Biểu 2a. Kế hoạch đào tạo – Giảng dạy của đơn vị năm 2022
5. Biểu 3a. Tổng hợp số giờ quy chuẩn đơn vị phải đảm nhận giảng dạy năm tài chính 2022 theo đơn vị
6. Biểu 3a. Tổng hợp số giờ quy chuẩn đơn vị phải đảm nhận giảng dạy năm tài chính 2022 toàn trường
7. Biểu 4. Bảng tổng hợp các hoạt động đào tạo, Thực hành-Thí nghiệm đề nghị cấp kinh phí tài chính năm 2022
8. Biểu 5. Bảng tổng hợp tài sản, công cụ, dụng cụ đề nghị Nhà trường mua sắm năm tài chính 2022
9. Biểu 6. Công tác tổ chức cán bộ và kế hoạch học tập, bồi dưỡng năm 2022
10. Biểu 7a. Kế hoạch đăng ký nghiên cứu khoa học năm tài chính 2022
11. Biểu 7b. Kế hoạch xuất bản giáo trình năm tài chính 2022
12. Biểu 8. Kế hoạch giảng dạy và đào tạo ngắn hạn cấp chứng chỉ năm tài chính 2022
13. Biểu 9a. Tổng thu của đơn vị đào tạo đại học và sau đại học theo khối ngành
14. Biểu 9b. Tổng thu của các đơn vị đào tạo theo niên chế/học phí có định mức theo tháng
15. Biểu 10. Tổng hợp các khoản chi năm tài chính 2022
16. Biểu 11. Tổng hợp thu chi năm tài chính 2022
17. Các biểu khác: Các dự toán chi tiết

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghệ An, ngày tháng 11 năm 2021

**CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ CÁN BỘ VIÊN CHỨC
VÀ DUYỆT KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2022**

TT	Nội dung	Người thực hiện
1	Ôn định tổ chức	Ban tổ chức
2	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và thông qua Chương trình Hội nghị	Ban tổ chức
3	Phát biểu khai mạc	PGS.TS. Lưu Tiến Hưng
4	Báo cáo Tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2020 - 2021	PGS.TS. Trần Vũ Tài
5	Báo cáo tóm tắt kế hoạch năm tài chính 2022	PGS.TS. Lưu Tiến Hưng
6	Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý, bổ sung cho Báo cáo của Hiệu trưởng tại Hội nghị đại biểu cán bộ, viên chức Trường Đại học Vinh năm 2022	TS. Lương Thị Thành Vinh
7	Hội nghị thảo luận	Đoàn Chủ tịch điều hành
8	Phát biểu của lãnh đạo Trường ĐH Vinh	GS.TS. Nguyễn Huy Bằng Hiệu trưởng
9	Bầu đại biểu dự Hội nghị đại biểu công chức, viên chức Trường Đại học Vinh năm 2022	Đoàn Chủ tịch Hội nghị
10	Bầu Tổ thanh tra nhân dân	Đoàn Chủ tịch Hội nghị
11	Hội nghị tiếp tục thảo luận; Tổng hợp các ý kiến thảo luận của hội nghị	Đoàn Chủ tịch Hội nghị
12	Thông qua Nghị quyết Hội nghị	Thư ký Hội nghị, Đoàn Chủ tịch Hội nghị
13	Bế mạc hội nghị	PGS.TS. Lưu Tiến Hưng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

**Đánh giá thực hiện kế hoạch năm học 2020 - 2021
và xây dựng kế hoạch năm tài chính 2022**

PHẦN 1

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2020-2021

Năm học 2020 - 2021 là năm học đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Vinh và Đại hội các Đảng bộ bộ phận nhiệm kỳ 2020-2025, Đại hội các chi bộ nhiệm kỳ 2020-2022, nhiệm kỳ Hiệu trưởng Nhà trường 2020-2025. Đây cũng là năm học ngành Giáo dục và Đào tạo tiếp tục triển khai việc thực hiện Nghị quyết số 29 của BCH Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

Ngày 21/7/2021, Hội đồng trường Đại học Vinh đã ra Nghị quyết số 11/NQ-HĐT về việc thành lập Trường Sư phạm trên cơ sở hợp nhất các đơn vị đào tạo sư phạm là Viện SPTN, Viện SPXH, khoa Giáo dục và Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Đối với các đơn vị cấu thành Trường Sư phạm, đây là năm học tiên tiến tái lập trường, việc thực hiện nhiệm vụ diễn ra trong bối cảnh nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn.

- Thuận lợi

Kế thừa truyền thống, vị thế và kinh nghiệm đào tạo Sư phạm hơn 60 năm xây dựng và phát triển của Trường Đại học Vinh. Đội ngũ CBQL, giảng viên có chất lượng cao, được đào tạo bài bản ở nhiều cơ sở giáo dục uy tín trong nước và quốc tế. Mạng lưới cựu sinh viên của các ngành sư phạm trước đây trải rộng trên nhiều vùng miền, nhiều lĩnh vực khác nhau trên cả nước.

CTĐT tiên tiến theo tiếp cận CDIO, được phát triển, cập nhật liên tục. Trong số 14 ngành đào tạo Sư phạm, đã có 1 ngành (Sư phạm Toán) được kiểm định đạt tiêu chuẩn theo chuẩn AUN-QA, có 3 ngành được kiểm định đạt tiêu chuẩn Quốc gia (SP Hoá, GDMN, GDTH).

Được tham gia/thụ hưởng Chương trình ETEP nên năng lực giảng viên được nâng cao, được trang bị cơ sở vật chất khang trang, hiện đại; giáo trình tài liệu phong phú, từng bước được số hoá.

Môi trường đào tạo đa ngành, nhiều cấp học, bậc học nên có thể tận dụng các ưu thế, tạo cho người học nhiều năng lực, dễ thích ứng thế giới việc làm; nhiều cơ sở giáo dục vệ tinh giúp sinh viên có điều kiện trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng sư phạm.

- Khó khăn

Tuyển sinh và đào tạo ngành sư phạm vẫn còn nhiều tồn tại do bất cập trong quy hoạch mạng lưới, tác động của tâm lý xã hội trong lựa chọn nghề nghiệp, đầu vào khó thu hút được sinh viên giỏi, đầu ra cho sinh viên tốt nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn.

Tuyển sinh các hệ đào tạo không đồng đều, địa bàn tuyển sinh trải dài trên 44 tỉnh thành. Địa bàn tuyển sinh sinh viên chính quy đang có xu hướng bị thu hẹp (chủ yếu từ Nghệ An).

Cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động đào tạo các ngành Sư phạm chưa xứng tầm với quy mô đào tạo. Không gian học tập cũng như môi trường sư phạm cho sinh viên đang còn hạn chế.

Một bộ phận cán bộ, giảng viên vẫn còn tâm lý ngại đổi mới; cơ hội trao đổi học thuật, thực tế phổ thông còn nhiều bất cập; đời sống vật chất của giảng viên vẫn còn nhiều khó khăn, thu nhập chủ yếu từ lương. Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, CNTT cho giảng viên và bồi dưỡng giảng viên tập sự chưa được đẩy mạnh. Công tác tuyển dụng giảng viên cho một số môn đặc thù (Âm nhạc, Mỹ thuật, Y tế học đường, ...) chưa thu hút và lựa chọn được người có năng lực, đáp ứng yêu cầu công tác.

Dịch Covid-19 vẫn diễn biến hết sức phức tạp, ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của nhà trường.

Khắc phục khó khăn, phát huy lợi thế của đơn vị trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy, BGH nhà trường, sự phối hợp của các đơn vị, phòng ban chức năng; sự nỗ lực cố gắng của tập thể cán bộ, viên chức, các đơn vị thuộc Trường Sư phạm đã thực hiện tốt kế hoạch năm học với các kết quả đạt được như sau:

1. Công tác phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng

a. Kết quả thực hiện

Chương trình đào tạo và bồi dưỡng được cải tiến, phát triển theo tiếp cận CDIO. Các ngành đã tiến hành khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT, lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTĐT; rà soát, điều chỉnh khung chương trình đào tạo, CDR môn học thực hiện cho khóa 62.

Hoàn thành đánh giá ngoài 04 chương trình đào tạo (SP Toán, SP Hóa, GDTH, GDMN); hoàn thành tự đánh giá 03 chương trình đào tạo (SP Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý).

Xây dựng và hoàn thiện bài giảng E-learning các học phần cho đào tạo Cao học thạc sĩ và Tiến sĩ, xây dựng chuẩn đầu ra cho các chuyên ngành Cao học và NCS

Rà soát lại khung chương trình, xây dựng bài giảng, bài tập, học liệu tham khảo E-learning cho hệ đào tạo vừa làm vừa học. Rà soát, xây dựng mới ngân hàng đề thi và thực hiện công tác kiểm tra đánh giá theo quy định hiện hành

Xây dựng thành công các đề án bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhà giáo các bậc học, bậc đào tạo, trình các cấp thẩm quyền giao nhiệm vụ cho Trường Đại học Vinh thực hiện công tác bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nhà giáo từ mầm non đến đại học (với 15 chương trình bồi dưỡng được Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục - Đào tạo giao cho Trường Đại học Vinh), xây dựng modul 5 và Modul 6 thuộc chương trình ETEP¹.

Việc phát triển chương trình đào tạo đại học tiếp cận CDIO đã làm thay đổi cơ bản nhận thức của đội ngũ giảng viên.

b. Tồn tại

Chương trình đào tạo đại học chất lượng cao còn ít (mới chỉ có ngành SP Toán). Công tác lấy ý kiến các bên liên quan trong phát triển CTĐT chưa thực sự rộng rãi.

Chưa đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp giảng dạy đánh giá theo tiếp cận CDIO. Nội dung, hình thức tổ chức đánh giá kết quả học tập, đặc biệt là đánh giá quá trình chưa thực sự hiệu quả.

2. Công tác dạy học

a. Kết quả thực hiện

Các hoạt động đào tạo đã được tổ chức và triển khai đúng kế hoạch theo quy chế hiện hành. Công tác giảng dạy, coi thi, chấm thi học phần và biên soạn bài giảng, câu hỏi thi học phần đã được các bộ môn, giảng viên thực hiện nghiêm túc. Riêng cán bộ, giảng viên khoa Giáo dục đã tham gia giảng dạy với một khối lượng giờ dạy rất lớn cho tất cả các bậc, loại hình đào tạo với tổng số lớp học phần là trên 1.000 lớp, đảm bảo đúng tiến độ và có chất lượng².

Để đáp ứng nhu cầu xã hội, các đơn vị đang tiến hành rà soát, cập nhật, chỉnh sửa mục tiêu, chuẩn đầu ra và nội dung chương trình dạy học căn cứ vào yêu cầu của chương

¹ Hoàn thành 02 đề án và đã được cấp phép Bồi dưỡng cấp chứng chỉ: đề án “Bồi dưỡng NVSP” và đề án “Bồi dưỡng Trường - Phó phòng GD & ĐT”; Xây dựng chương trình, đề cương chi tiết và bài giảng và bồi dưỡng giáo viên dạy lớp 1 và lớp 2, lớp 6 chương trình GDPT 2018; Xây dựng chương trình, đề cương chi tiết, biên soạn bài giảng và thực hiện bồi dưỡng giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông; Xây dựng chương trình, đề cương chi tiết, biên soạn bài giảng và thực hiện bồi dưỡng tổ trưởng chuyên môn ở trường phổ thông; Xây dựng các chương trình bồi dưỡng: “Chăm sóc giáo dục trẻ mầm non”; chương trình “Bồi dưỡng giáo viên phổ thông và giáo viên mầm non dạy kỹ năng sống”. Xây dựng nội dung Modul 05 và Modul 06 dành cho bồi dưỡng thường xuyên cán bộ QLGD và GVCC 6 ở các cấp học thuộc chương trình ETEP; Hoàn thiện hệ bài giảng, bài tập, học liệu tham khảo E-learning cho các chương trình Bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GVTH và GVMN, THCS và THPT;

² Tổng số giờ giảng dạy phải đảm nhận theo chức danh của **khoa Giáo dục**: 20.427 giờ. Tổng số giờ giảng dạy được miễn giảm: 1.712 giờ, Tổng số giờ chuẩn giảng dạy được giao đảm nhận sau khi đã được miễn giảm là 18.715 giờ, Tổng số giờ chuẩn giảng dạy đăng ký đảm nhận trong năm học 2020- 2021 dự kiến là 52.997 giờ, Tổng số giờ chuẩn giảng dạy dự kiến thừa được đăng ký 34.282 giờ. **Viện SPXH**: Số giờ theo chức danh: 12. 960, Số giờ được miễn: 2. 389, Số giờ thực dạy trong năm học: 18. 008, Số giờ vượt chuẩn: 7.707. **Viện SPTN**: tổng số giờ quy chuẩn thực hiện là 29.877 giờ (trung bình 398 giờ/GV).

trình phổ thông mới. Trong đó, tăng thời lượng và nội dung dạy học theo hình thức dự án/đề án, thêm thời lượng cho nội dung rèn luyện NVSP thường xuyên, giảm kiến thức hàn lâm và tăng kiến thức gắn liền với thực tiễn.

Công tác đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng đào tạo đã được chú trọng, đặc biệt là tổ chức dạy học các khóa theo chương trình đào tạo tiếp cận CDIO. Nhiều giảng viên đã đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực sinh viên, nâng cao chất lượng đào tạo. Các bộ môn tổ chức tốt việc dự giờ thăm lớp.

Trong giảng dạy giảng viên quan tâm hơn về các mặt: Phương pháp và nội dung trình bày, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên, theo dõi kỷ luật trong giờ học, bám sát nội dung chương trình chi tiết học phần, viết tài liệu phục vụ dạy và học, thực hiện đúng lịch trình giảng dạy; triển khai giảng dạy và đánh giá đề án cho các học phần theo chương trình tiếp cận CDIO. Giảng viên có nhiều nỗ lực tiếp cận cách đánh giá mới. Các nhóm giảng viên giảng dạy theo CDIO đều có nhóm trưởng phụ trách chuyên môn, trực tiếp điều hành hoạt động giảng dạy chung của nhóm. Các cán bộ giảng dạy đã cố gắng cập nhật các thông tin mới, kiến thức mới bổ sung vào bài giảng, sinh hoạt chuyên môn đều đặn và vận hành hiệu quả các phòng học chức năng. Đặc biệt, trong giai đoạn phòng chống dịch Covid-19, giảng viên của Trường đã tích cực hưởng ứng và chủ động chuẩn bị bài giảng, phương pháp để triển khai dạy học online tất cả các hệ đào tạo theo kế hoạch của Nhà trường.

Trong năm học, Viện SPTN đã hoàn thành đề án và mở mới mã ngành đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học Dữ liệu và Thống kê tuyển sinh từ năm học 2021-2022.

Hưởng ứng tháng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, các đơn vị đã tổ chức thành công Hội thi nghiệp vụ sư phạm năm học 2020-2021 cho sinh viên các ngành. Trong đó, đã cải tiến cả nội dung và hình thức tổ chức so với các năm học trước, các ngành đã tổ chức những hoạt động phù hợp với đặc trưng từng ngành³.

Công tác đào tạo liên quan đến việc sử dụng phòng thực hành, thí nghiệm được đôn đốc và bám sát. Chất lượng các tiết thực hành, thí nghiệm,... trong đào tạo các ngành của Trường được nâng cao. Các ngành đã tổ chức cho sinh viên tham gia tìm hiểu thực tế hoạt động dạy học và giáo dục tại các trường trên địa bàn. Các nhóm sinh viên đến trường THPT Chuyên quan sát, tìm hiểu và báo cáo kết quả dự giờ; thực hành giảng dạy một số tiết có sự tham gia hướng dẫn soạn giáo án, dự giờ và nhận xét của GV phổ thông và giảng viên chuyên ngành.

Trong thời gian qua mạng lưới các trường vệ tinh trên địa bàn và các vùng lân cận được hình thành nhằm hướng dẫn thực hành, thực tập tốt nghiệp cho sinh viên, các đơn vị rất chú trọng đến công tác rèn nghề của sinh viên nên có sự phối hợp chặt chẽ với trường THSP, trường THPT Huỳnh Thúc Kháng, THPT chuyên Đại học Vinh ... trong tổ chức thi giảng cho SV năm thứ tư trong đó SV được dạy trực tiếp cho HS tại các lớp theo thời khóa biểu và do các thầy, cô ở trường phổ thông đánh giá, chấm điểm.

³ Ngành Sư phạm Ngữ văn tổ chức tọa đàm với chủ đề “Trao đổi về chương trình, SGK Ngữ văn và kinh nghiệm thực tập sư phạm tại trường phổ thông” ngành Sư phạm Lịch sử đã tổ chức bài học tại Bảo tàng Quân khu IV, Ngành Sư phạm Địa lí tổ chức Hội nghị “Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông” .

Công tác coi thi, chấm thi học phần và biên soạn bài giảng, câu hỏi thi học phần đã được các bộ môn, giảng viên thực hiện nghiêm túc. Công tác khảo thí được tổ chức bài bản, đúng quy định của Nhà trường và không xảy ra các vấn đề phát sinh hoặc vi phạm kỷ luật trong công tác tổ chức thi. Công tác xây dựng, lưu trữ bài giảng liên tục được cập nhật, bổ sung cho cả hệ CQ, VHVL và SDH.

Đào tạo SDH tiếp tục thực hiện được nền nếp khi triển khai học các chuyên đề đúng tiến độ⁴. Công tác tuyển sinh sau đại học cơ bản hoàn thành chỉ tiêu Nhà trường giao. Công tác xây dựng kế hoạch và quản lý đào tạo sau đại học đã được triển khai khoa học và đúng quy chế. Đã hoàn thành việc tổ chức bảo vệ luận văn thạc sĩ cho học viên cao học khóa 27, tổ chức dạy học cho cao học khóa 28, 29 ở tất cả các chuyên ngành theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo: sử dụng hệ thống E-learning để cung cấp bài giảng, tài liệu học tập, bài tập, chủ đề thảo luận và tương tác với học viên. Dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng không nhỏ tới việc triển khai đào tạo sau đại học. Một số lớp đã phải thay đổi lịch dạy và chưa có nhiều hình thức khuyến khích hỗ trợ học viên tích cực trong tự học, tự tìm tòi nghiên cứu.

Bồi dưỡng CBQL và giáo viên: Các đơn vị đã cử Giảng viên nguồn, Giảng viên sư phạm cốt cán tham gia tập huấn về Chương trình Giáo dục phổ thông mới các mô đun 2 và 3, 4 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2020, Giảng viên sư phạm chủ chốt của Viện đã tham gia tập huấn cho các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên phổ thông cốt cán ở 3 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh các mô đun 2,3 theo Chương trình RGEF và ETEP; tham gia bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới ở lớp 1, 2 và lớp 6 cho tỉnh Nghệ An và các địa phương khác.

Tham gia dạy học tại trường Thực hành Sư phạm, Trường THPT chuyên: Trong năm học, giảng viên các bộ môn tham gia giảng dạy tại các trường THPT Chuyên và trường THSP. tham gia xây dựng chương trình và giảng dạy tiếng Anh cho hệ THPT chất lượng cao các môn Toán, Vật lý, Hóa học và Sinh học ... Nhìn chung sự tham gia của đội ngũ giảng viên này đã hỗ trợ rất lớn và hiệu quả cho công tác đào tạo nói chung của các trường trực thuộc Trường ĐH Vinh, đặc biệt là việc giảng dạy các môn KHTN bằng tiếng Anh cho hệ CLC của Trường THPT Chuyên đã đi vào chiều sâu, bài bản và có chất lượng.

Qua từng năm, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục của Trường đã được nâng lên; sinh viên của Trường ra trường đã đáp ứng được yêu cầu của xã hội; uy tín về đào tạo giáo viên tiếp tục được khẳng định; địa bàn đào tạo, bồi dưỡng của Trường không ngừng giữ vững mà ngày càng được mở rộng.

b. Tồn tại

Một số học phần dạy theo tiếp cận CDIO đã có các sản phẩm theo yêu cầu của nhà trường, tuy nhiên việc xác định các chuẩn đầu ra môn học chưa thực sự hợp lý. Hình thức tổ chức và công cụ đánh giá học phần chưa thiết kế theo tinh thần của đề cương CDIO. Việc tổ chức dạy học theo tiếp cận CDIO còn chưa phát huy tính chủ động tích cực của sinh viên. Chưa có nhiều giảng viên xây dựng được hệ thống bài tập,

⁴ Trường hiện nay quản lý 15 chuyên ngành đào tạo Tiến sĩ, 25 chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ. Trong năm học qua có 28 NCS bảo vệ thành công LATs, hàng trăm học viên bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ.

học liệu để hỗ trợ sinh viên học tập; các hoạt động tương tác giữa thầy và trò còn ít trong dạy học; khối lượng lao động chưa đồng đều ở các ngành và bộ môn.

Công tác thực tập, thực tế của sinh viên và giảng viên vẫn chưa nhiều, chất lượng chưa cao. Số lượng sinh viên trên 1 lớp ở một số ngành vẫn còn đông, ý thức tự học tự nghiên cứu của sinh viên còn yếu. Địa bàn tuyển sinh rộng, nhiều vùng sâu vùng xa gây khó khăn cho công tác quản lý và giảng dạy.

Công tác biên soạn giáo trình tài liệu phục vụ học tập chưa đáp ứng được yêu cầu, một số học phần trong chương trình đào tạo đề cương bài giảng chưa được chuẩn bị tốt; Công tác khảo thí vẫn còn hạn chế về tiến độ vào điểm, vào điểm vẫn còn có sai sót; Giám sát chất lượng đào tạo chưa được thường xuyên, liên tục.

Tỉ lệ sinh viên chưa tốt nghiệp đúng thời hạn còn nhiều do nhiều sinh viên đã hoàn thành chương trình học nhưng chưa thi được chứng chỉ tiếng Anh B1.

3. Công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ

a. Kết quả thực hiện

Công tác nghiên cứu khoa học luôn được các đơn vị chú trọng và đẩy mạnh. Cán bộ giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên của Trường đã và đang chủ trì và tham gia thực hiện nhiều nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp⁵. Các đề tài NCKH đã hoàn thành đúng tiến độ, đáp ứng tốt các yêu cầu đề ra, góp phần hoàn thành tốt các chương trình khoa học công nghệ của Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

Các đề tài được thực hiện đã đóng góp lớn cho nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là cán bộ trẻ. Thông qua, sự hỗ trợ của các đề tài các nghiên cứu sinh, học viên cao học của Trường đã có điều kiện hơn để tập trung học tập, nghiên cứu và đạt được nhiều kết quả nổi bật hơn thời gian trước, sự thay đổi rõ rệt nhất là hầu hết các cán bộ trẻ, nghiên cứu sinh của Trường đã có công trình công bố trên các tạp chí quốc tế (thuộc danh mục ISI).

Nhiều giảng viên được khen thưởng cho các thành tích nghiên cứu của mình ở cấp tỉnh, cấp Bộ và cấp Nhà nước. Các giảng viên thuộc lĩnh vực Khoa học Giáo dục đã có một số công bố trên tạp chí quốc tế nằm trong danh mục Scopus.

Các ngành hiện vẫn duy trì các mối quan hệ, hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước: Trường đại học Zielona Gora (Ba Lan), Viện Hàn lâm khoa học công nghệ Việt Nam, Viện nghiên cứu cao cấp về Toán, Trung tâm Vật lý lý thuyết ICTP (Italy), Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện QLGD ...

b. Tồn tại

⁵ **Viện SPTN** thực hiện 18 đề tài NCKH các cấp, trong đó có 11 đề tài cấp Bộ và Nafosted, 7 đề tài NCKH cấp trường, công bố 158 bài báo khoa học trong đó có 64 bài thuộc danh mục WOS/Scopus (đạt 150% chỉ tiêu được giao), 5 giải thưởng SV NCKH cấp trường và cấp Bộ. **Khoa Giáo dục** hoàn thành 3 đề tài NCKH cấp Bộ; 05 đề tài NCKH cấp Trường trọng điểm; có 09 bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus, 13 bài báo đăng trên Tạp chí và kỉ yếu hội thảo quốc tế, 20 bài báo trên các Tạp chí trong nước, 02 Giáo trình Đại học, 02 Sau đại học đã nghiệm thu, 01 sách chuyên khảo được xuất bản ở nước ngoài. **Viện SPXH** hoàn thành 10 công trình NCKH các cấp (chủ yếu là các đề tài ETEP và CDIO trọng điểm cấp Trường), công bố 73 bài báo (03 bài đăng tạp chí trong danh mục ISCE, 01 bài đăng tạp chí ISI, Scopus và 69 bài báo đăng tạp chí trong nước, hội thảo quốc tế, hội thảo trong nước), xuất bản 14 giáo trình, thực hiện 48 seminar học thuật.

Chất lượng của các công bố khoa học của Trường còn chưa tương xứng với tiềm năng; số lượng bài báo của lĩnh vực KHGD ở tạp chí thuộc danh mục WOS còn ít, chỉ số ảnh hưởng của các công trình đã công bố chưa cao; chưa có những đề tài liên ngành và tính ứng dụng rộng rãi. Ngoài ra, do dịch Covid nên việc hợp tác NCKH quốc tế trong khoa học, tham dự các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế còn hạn chế.

Số lượng sách, giáo trình xuất bản chậm so với đăng kí. Hạn chế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân như: chưa quyết tâm thực hiện, khối lượng công việc nhiều nên không đủ thời gian để biên soạn, sự cầu toàn, chần chừ trong quá trình chuẩn bị...

Số bài báo công bố quốc tế chủ yếu tập trung ở các ngành SPTN, các ngành SPXH và GD chưa có nhiều bài báo được đăng tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus.

Các nhóm nghiên cứu chưa có kế hoạch, định hướng nghiên cứu cụ thể. Sau khi thành lập, các nhóm chưa triển khai một hoạt động nào để thực thi nhiệm vụ được giao. Sự liên kết, phối hợp nghiên cứu giữa các chuyên ngành trong Trường chưa rõ. Sinh hoạt chuyên môn chưa cao, chưa đồng đều giữa các bộ môn.

NCKH của sinh viên chưa cao, chất lượng đề tài còn thấp, sự hỗ trợ của giảng viên trong công tác nghiên cứu của sinh viên còn hạn chế.

4. Công tác phát triển đội ngũ

a. Kết quả thực hiện

Trong năm học, công tác tổ chức và cán bộ luôn được các đơn vị đặc biệt quan tâm, ưu tiên chăm lo xây dựng đội ngũ CBGD nhằm đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và chất lượng ngày càng cao, là cơ sở vững chắc để Trường phát triển bền vững. Các đơn vị luôn tạo động lực, động viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ trong đơn vị tham gia học và tự học để nâng cao trình độ, có cơ chế khuyến khích về thời gian, sắp xếp công việc và cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Có thể nói, trong năm vừa qua, công tác bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ giảng viên của các đơn vị đã có nhiều tiến bộ, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Các đơn vị đã tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ở các tổ bộ môn; xây dựng đề án vị trí việc làm phù hợp, tăng cường phân quyền cho các Bộ môn trong điều hành kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch.

Các bộ môn đều được sắp xếp dựa trên chức năng, nhiệm vụ đào tạo Đại học và Sau đại học: mỗi bộ môn đều phụ trách ít nhất 1 ngành đào tạo Đại học hoặc 1 chuyên ngành đào tạo Sau đại học. Công tác phân công giảng dạy, bố trí chuyên môn được các đơn vị thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, quy mô Viện đơn vị.

Công tác xếp loại viên chức hàng tháng và xét các danh hiệu thi đua trong năm học cho các tập thể và cá nhân được thực hiện theo đúng quy định công bằng và dân chủ. Cơ cấu tổ chức của các đơn vị trong năm học tương đối ổn định⁶.

⁶ Hết năm học 2020-2021, Viện SPXH có 49 CBVC trong đó có 06 PGS, 36 TS trên tổng số 47 GV (đạt tỷ lệ TS 76,6%). Viện SPTN có 81 CBVC, trong đó có 02 GS.TS, 18 PGS.TS., 45 TS. trên tổng số 77 giảng viên (GV có trình độ TS chiếm 84,4%). Khoa Giáo dục có 39 CBVC, trong đó có 04 PGS; 20 TS; 16 ThS; 1 BS.

Công tác quy hoạch, giới thiệu, bổ nhiệm nhân sự lãnh đạo của các đơn vị đã thực hiện theo sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, đúng quy trình, đảm bảo tính ổn định, kế thừa và phát triển; tạo được không khí đoàn kết, nhất trí trong toàn đơn vị. Việc bố trí công tác cán bộ được bàn bạc dân chủ trong tổ bộ môn, trong chi ủy CBCB, trong Đảng ủy bộ phận, trong Hội nghị liên tịch, hội nghị chi bộ cũng như Hội nghị cán bộ công chức của các đơn vị. Các đơn vị và tổ chuyên môn cũng đảm bảo sự phân công lao động theo năng lực và cân bằng mặt bằng lao động. Nhìn chung, các cán bộ đều có ý thức trau dồi, bồi dưỡng chuyên môn, chuẩn hóa trình độ cán bộ đạt học vị tiến sĩ.

Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ được đẩy mạnh. Trong năm qua, toàn trường đã có 06 cán bộ bảo vệ thành công luận án tiến sĩ trong và ngoài nước, 01 cán bộ được công nhận đạt chuẩn chức danh và được bổ nhiệm PGS. Hiện tại, có 10 cán bộ đang làm NCS và thực tập sinh sau tiến sĩ ở nước ngoài, 8 cán bộ đang làm NCS trong nước; hơn 20 đồng chí có trình độ Trung cấp lý luận chính trị, 05 đồng chí có trình độ cao cấp lý luận chính trị; 03 đồng chí là Ủy viên BCH Đảng bộ Trường khoá XXXII.

b. Tồn tại

Đội ngũ giảng viên ở một số khoa như GD Tiểu học, GD Mầm non, Tin học còn mỏng. Các đơn vị chưa chủ động về kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ giảng viên, đặc biệt là các năng lực chuyên sâu. Việc bồi dưỡng đội ngũ kế cận gặp nhiều khó khăn, nhiều khoa trong nhiều năm liền không bồi dưỡng được người kế cận.

Trình độ ngoại ngữ thực tế của giảng viên chưa đồng đều, kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của một số giảng viên chưa tốt; khối lượng công việc chưa đồng đều giữa các ngành, các bộ môn và các giảng viên.

5. Công tác về người học

5.1. Công tác tuyển sinh

a. Kết quả thực hiện

Xác định công tác tuyển sinh là nhiệm vụ chính trị quan trọng của Trường nên các đơn vị đã xây dựng kế hoạch hoạt động, phân công cụ thể cho lãnh đạo, Ban truyền thông và huy động toàn thể cán bộ, giảng viên vào cuộc. Công tác quảng bá tuyển sinh được đẩy mạnh trên tất cả các bậc, các hệ đào tạo bao gồm tuyển sinh đại học, sau đại học, vừa làm vừa học. Các đơn vị cũng làm việc với các Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa ... cũng như thông qua các kênh là cựu học viên, sinh viên để khảo sát được nhu cầu của người học; đồng thời mở rộng địa bàn tuyển sinh đến miền Đông Nam bộ, Tây Nguyên.

Ban Truyền thông các đơn vị đã triển khai nhiều hình thức quảng bá tuyển sinh: thành lập tổ tư vấn tuyển sinh trực tuyến, quảng bá hình ảnh qua thông qua Subweb,

Tính đến nay, Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Trường Sư phạm bao gồm: 12 khoa, 01 Trung tâm Bồi dưỡng NVSP, 01 Tổ Hành chính. Đội ngũ cán bộ, giảng viên: 176 người. Số giảng viên: 165 người, trong đó có 109 người (chiếm 66,06%) có trình độ TS trở lên, có 26 người (chiếm 15,76%) có trình độ GS, PGS. Đảng bộ bộ phận có 16 chi bộ, 270 đảng viên (trong đó ĐV là cán bộ: 142 đồng chí; HV, SV: 128 đồng chí). Công đoàn cơ sở thành viên có 13 CĐ bộ phận, 176 đoàn viên.

mạng xã hội; sinh viên đang học tập tại trường, cựu sinh viên. Các đơn vị đã xây dựng nhiều clip quảng bá tuyển sinh giới thiệu về các ngành đào tạo; thực hiện livestream tư vấn tuyển sinh thu hút hàng nghìn lượt chia sẻ, theo dõi; thường xuyên cập nhật thông tin, tương tác với thí sinh và người nhà thí sinh qua hộp thư tuyển sinh trực tuyến; quảng bá tuyển sinh thông qua kênh các học viên cao học, học viên bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp, học viên bồi dưỡng chương trình giáo dục phổ thông mới.

Trong bối cảnh toàn trường tuyển sinh khó khăn nhưng kết quả tuyển sinh các bậc học của các đơn vị vẫn duy trì ổn định và có sự tăng trưởng ở 1 số ngành⁷.

b. Tồn tại

Công tác tuyển sinh Đại học chưa chưa cân đối được số lượng tuyển sinh giữa các ngành và chuyên ngành (số lượng tuyển sinh chủ yếu hiện nay tập trung đông ở ngành GD Tiểu học và GD mầm non (bậc đại học), Quản lý giáo dục (bậc Thạc sĩ); chưa huy động hiệu quả được toàn bộ hệ thống chính trị của các đơn vị trong công tác tuyển sinh đặc biệt là quảng bá tuyển sinh. Vẫn còn ngành đại học và chuyên ngành thạc sĩ không tuyển sinh được trong năm qua.

5.2. Công tác hỗ trợ người học

a. Kết quả thực hiện

Trong thời gian qua, khoa đã có rất nhiều hoạt động hỗ trợ người học nhằm xây dựng sân chơi, thúc đẩy hoạt động đào tạo, tạo điều kiện và khuyến khích sinh viên tích cực tham gia các hoạt động rèn nghề, các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể dục và thể thao. Hỗ trợ sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và tự học.

Lãnh đạo các đơn vị đã quan tâm chỉ đạo, cùng với Trợ lý QLSV khoa thực hiện tốt công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, đạo đức lối sống, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, phòng chống các tệ nạn xã hội và ma túy trong sinh viên. Vận động sinh viên tham gia hiến máu nhân đạo, tuyên truyền để sinh viên có nhận thức và hành động đúng đắn về chủ quyền biển, đảo Việt Nam. Sinh viên của Trường chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; nội quy, quy chế của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo về các hoạt động đào tạo; Có ý thức trong việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tập thể đoàn kết; Có ý thức học tập, phấn đấu vươn lên, giúp đỡ nhau trong học tập và cuộc sống.

Các ngành đào tạo đại học chính quy đã có những hoạt động gắn với các trường phổ thông, trường mầm non trong quy trình rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình đào tạo. Do ảnh hưởng dịch Covid-19 nên trong thời gian đầu, hoạt động Thực tập sư phạm và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên của sinh viên nhiều ngành bị gián đoạn. Tuy nhiên, các ngành đào tạo đã kịp thời chủ động điều chỉnh quy trình thực hiện, đánh giá các hoạt động này, giúp sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo đúng tiến độ. Các chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ của Trường cũng thực hiện việc

⁷ Kết quả tuyển sinh trong năm học vừa qua: **Khoa Giáo dục** (tuyển sinh được 667 sinh viên chính quy, 7.728 học viên VLVH, 250 học viên thạc sĩ, 05 NCS). **Viện SPXH** (140 sinh viên chính quy, 166 học viên cao học, 20 học viên hệ VLVH). **Viện SPTN** (182 sinh viên chính quy, 290 học viên cao học, 2 NCS). Năm học 2021-2022, Trường Sư phạm tuyển sinh được 1.744 sinh viên chính quy, 479 học viên VLVH (đợt 01).

duyet đề cương luận văn và bảo vệ luận văn bằng hình thức trực tuyến trong đợt dịch Covid.

Trong năm học nhiều lượt sinh viên đã tham gia các Hội thi rèn nghề và các giải thể thao văn nghệ do Nhà trường tổ chức và đã đạt được nhiều thành tích tốt. Hội thi đã tạo cho sinh viên cơ hội thể hiện hiểu biết nghề nghiệp, trải nghiệm những kỹ năng nghề nghiệp được đào tạo.

Qua kinh nghiệm tổ chức quản lý sinh viên, học viên và kết quả đạt được trong năm học, công tác quản lý sinh viên với mạng lưới cố vấn học tập có nhiều ưu điểm và đạt được hiệu quả cao. Các giảng viên cố vấn học tập đều có tinh thần trách nhiệm cao, quan tâm sâu sát đến từng sinh viên, khuyến khích động viên sinh viên tích cực tham gia mọi hoạt động đoàn thể.

Công tác xử lý học vụ được thực hiện bài bản và có hiệu quả. Hầu hết sinh viên, học viên có phản hồi tích cực qua các đợt khảo sát của Nhà trường về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm đã được khảo sát bởi Trung tâm hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp trên 90%.

Các đơn vị hình thành mạng lưới giáo viên chủ nhiệm⁸. Qua mạng lưới giáo viên chủ nhiệm lớp, đã thực hiện tốt việc quản lý, hỗ trợ sinh viên, học viên trong Khoa. Hằng năm, có hàng trăm lượt sinh viên được hệ thống giáo viên chủ nhiệm lớp phối hợp với cố vấn học tập hỗ trợ xây dựng kế hoạch học tập, đặc biệt là các sinh viên dân tộc thiểu số, sinh viên ở các vùng đặc biệt khó khăn và sinh viên Lào. Các chế độ chính sách của sinh viên được quan tâm giải quyết kịp thời. Theo từng học kỳ, các đơn vị đã tổ chức đánh giá, xếp loại rèn luyện của sinh viên; quy trình đánh giá, xếp loại rèn luyện của sinh viên đảm bảo công khai, dân chủ, chặt chẽ, đúng quy chế. Sinh viên sư phạm có ý thức và tự giác trong học tập tiếp thu tri thức và tự giác trong rèn luyện theo mục tiêu giáo dục toàn diện, từng bước biến quá trình đào tạo của nhà trường thành quá trình tự đào tạo. Do thực hiện tốt công tác quản lý, giáo dục sinh viên nên hằng năm có trên 95% sinh viên được xếp loại rèn luyện từ loại khá trở lên; nhiều sinh viên được Hiệu trưởng Nhà trường tặng Giấy khen.

Trong bối cảnh dịch Covid diễn biến phức tạp, nhiều địa phương và thành phố Vinh phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16. Các đơn vị đã kịp thời hỗ trợ sinh viên trong khu vực phong tỏa cả về vật chất lẫn tinh thần, thường xuyên tuyên truyền về phòng chống covid thông qua các kênh thông tin.

b. Tồn tại

Việc quản lý học tập của sinh viên chưa được thường xuyên quan tâm, đặc biệt là kiểm soát việc tự học. Việc nắm bắt tình hình học sinh, sinh viên ngoại trú và các hoạt động về giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên còn hạn chế.

6. Công tác cơ sở vật chất

a. Kết quả thực hiện

Cơ sở vật chất, thiết bị cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo và các hoạt động chuyên môn của cán bộ, giảng viên. Cơ sở vật chất tiếp tục được các đơn vị sử dụng hiệu quả

⁸ Hiện nay các đơn vị đang phân công giảng viên trẻ đảm nhận công tác giáo viên chủ nhiệm ở các lớp sinh viên hệ chính quy tập trung tại trường.

phục vụ tốt cho công tác đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo. Hàng năm đều tiến hành kiểm kê và thanh lý theo quy định và được bảo trì bảo dưỡng thường xuyên

Công tác quản lý tài sản của Trường được thực hiện theo quy định về Quản lý, khai thác và sử dụng tài sản của trường Đại học Vinh ban hành kèm Quyết định số 209/QĐ - ĐHV ngày 16/3/2017.

Trường đã hoàn thành việc xây dựng rà soát, cập nhật định mức kinh tế kỹ thuật cho các học phần thực hành, tiếp tục đề xuất danh mục thiết bị cho đề án tăng cường năng lực PTN phục vụ đào tạo theo CDIO của các ngành Vật lý, Hoá học và Sinh học; tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả trang thiết bị hiện có tại các PTN trong đào tạo và NCKH.

b. Tồn tại: Chưa ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài chính mà vẫn còn quản lý bằng sổ sách, giấy tờ nên hiệu quả chưa cao. Nguồn thu của các đơn vị (Viện SPTN, Viện SPXH thấp, chủ yếu từ kinh phí quản lý) nên công tác tài chính gặp nhiều khó khăn. Với các ngành của khoa Giáo dục, phòng lưu trữ hồ sơ còn hẹp, chưa đủ đáp ứng yêu cầu.

7. Công tác hợp tác đối ngoại

a. Kết quả thực hiện

Năm học 2020-2021, các đơn vị đã thực hiện liên kết với các trường Mầm non, Tiểu học, mở rộng kết nối với các trường phổ thông trên địa bàn và các vùng lân cận để tạo môi trường thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên.

Liên kết với các Sở Giáo dục, Phòng Giáo dục các tỉnh thành trên cả nước liên kết đào tạo Mời các nhà khoa học của các trường sư phạm chủ chốt tham gia biên soạn tài liệu trong chương trình ETEP. Thường xuyên tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên môn nghiệp vụ trong nước và nước ngoài.

Giữ mối quan hệ hợp tác về đào tạo và NCKH với các Trường, các Viện nghiên cứu trong nước và quốc tế

b. Tồn tại

Các hoạt động hợp tác đối ngoại với nước ngoài còn hạn chế, rất ít chương trình trao đổi sinh viên, giảng viên trong đào tạo, NCKH với quốc tế.

Đánh giá chung

Các đơn vị thực hiện tái cấu trúc Nhà trường, ra đời và hoạt động trong bối cảnh hết sức khó khăn của giáo dục đại học nói chung và ngành sư phạm nói riêng, nhưng nhờ sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, sự phối hợp của các phòng ban chức năng của Nhà trường, cũng như sự nỗ lực của tập thể CBVC, các đơn vị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2020- 2021. Bên cạnh những thành tựu đạt được, các đơn vị cấu thành Trường Sư phạm vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục, kính đề nghị Nhà trường quan tâm, chỉ đạo sát sao hơn nữa hoạt động của Trường Sư phạm để tiếp tục phát huy truyền thống của các ngành, xây dựng trường ngày càng vững mạnh.

PHẦN 2

KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2022

I. Các căn cứ lập kế hoạch năm tài chính 2022

- Căn cứ vào Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 21/7/2021 của Hội đồng trường về việc thành lập Trường Sư phạm;
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường;
- Quyết định số 1278/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030;
- Quyết định số 766/QĐ-ĐHV ngày 31/8/2018 của Hiệu trưởng ban hành về Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025;
- Quyết định số 2389/QĐ-ĐHV ngày 06/09/2019 của Hiệu trưởng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Vinh;
- Quyết định số 61/QĐ-ĐHV ngày 30/10/2019 của Hiệu trưởng ban hành về Kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2019-2025;
- Quyết định số 06/QĐ-ĐHV ngày 03/01/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về ban hành Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO giai đoạn 2020-2022.
- Quyết định số 159/QĐ-ĐHV ngày 21/01/2021 của Hiệu trưởng về việc phân bổ chỉ tiêu công bố bài báo trên các tạp chí khoa học thuộc cơ sở dữ liệu của Web of Science hoặc Scopus năm 2021;
- Đề án/ kế hoạch tuyển sinh năm 2022;

II. Các nhiệm vụ trọng tâm

1. Giữ vững ổn định tư tưởng chính trị trong Trường. Xây dựng và phát huy tinh thần đoàn kết, tạo sự thống nhất, đồng thuận trong toàn Trường. Nâng cao ý thức trách nhiệm, kỷ luật lao động, đặc biệt là vai trò, trách nhiệm của Trưởng các đơn vị thuộc Trường. Tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị để thực hiện hiệu quả, huy động được mọi nguồn lực nhằm thực hiện tốt các mục tiêu tại các đơn vị, của các tổ chức và của toàn Trường.

2. Xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Sư phạm giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp mục tiêu phát triển Trường Đại học Vinh và của ngành GD&ĐT; kế thừa Kế hoạch chiến lược phát triển lĩnh vực Sư phạm của Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2022, tầm nhìn 2030.

3. Tập trung rà soát chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đại học, sau đại học, đánh giá theo chuẩn đầu ra. Đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo, đặc biệt là kiểm định theo chuẩn quốc tế gắn với mô hình đào tạo chất lượng cao, từ đó quốc tế hóa chương trình đào tạo, tham gia xếp hạng các chương trình đào tạo theo các bảng xếp hạng có uy tín, phù hợp.

4. Triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao chất lượng đào tạo; duy trì và thành lập mới các nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh (*chuyên ngành hoặc liên ngành*) với mô hình, cơ chế chính sách rõ ràng, gắn với hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên, học viên.

5. Đẩy mạnh các hoạt động bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; bồi dưỡng

chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên và cán bộ QLGD và các dịch vụ giáo dục mà các trường phổ thông đang cần.

6. Quan tâm thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; triển khai mô hình dạy học hỗn hợp hiệu quả; làm tốt công tác biên soạn bài giảng E-Learning để dạy học trên hệ thống LMS; nghiên cứu và triển khai mô hình quản trị trường học số tại trường đại học/trường phổ thông.

7. Xây dựng Đề án vị trí việc làm cho các khoa đào tạo, Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; quan tâm công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, quy hoạch đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ có học hàm, học vị phù hợp với Đề án vị trí việc làm; hoàn thiện tổ chức bộ máy, kiện toàn các chức danh còn lại; công khai, minh bạch chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý các chuyên ngành đào tạo sau đại học.

8. Xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, các quy định, quy chế của Trường Sư phạm làm căn cứ thực hiện công tác tài chính, điều hành hoạt động của Trường công khai, minh bạch. Xây dựng kế hoạch và đề xuất cụ thể các nội dung đầu tư cơ sở vật chất, cơ chế tài chính để Trường Đại học Vinh xem xét, phê duyệt.

9. Tăng cường hoạt động kết nối với các trường phổ thông trong việc đào tạo sinh viên sư phạm, mở rộng mạng lưới trường vệ tinh để đáp ứng nhu cầu đào tạo và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên; kết nối các trường phổ thông để triển khai học phần đồ án Nhập môn ngành Sư phạm, 3 học phần trải nghiệm tại trường phổ thông; nghiên cứu triển khai các nội dung hỗ trợ chuyên môn cho các trường phổ thông.

10. Tăng cường các hoạt động truyền thông về hoạt động của Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh đến cộng đồng và xã hội.

III. Nội dung kế hoạch

1. Công tác phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng

Hoàn thành việc rà soát xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo các ngành thạc sĩ, tiến sĩ theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục tiến hành khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT tất cả các ngành. Cập nhật chuẩn đầu ra CTĐT, Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết và công bố công khai.

Tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH tất cả các ngành

Tiếp tục nghiên cứu triển khai việc tổ chức dạy học theo tiếp cận CDIO thông qua đồ án, dự án. Đổi mới hình thức thực hành, thực tế chuyên môn của một số ngành đặc thù

Chú trọng công tác chuyển đổi số, đánh giá theo chuẩn đầu ra, khai thác hệ thống học liệu phổ thông, xóa điểm nghẽn về kỹ năng cho học sinh phổ thông (kỹ năng hội nhập, kỹ năng ngoại ngữ...).

Đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo, đặc biệt là kiểm định theo chuẩn quốc tế gắn với mô hình đào tạo chất lượng cao, từ đó quốc tế hóa chương trình đào tạo, tham gia xếp hạng các chương trình đào tạo theo các bảng xếp hạng có uy tín, phù hợp.

Đẩy mạnh các hoạt động bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên và cán bộ QLGD và các dịch vụ giáo dục mà các trường phổ thông đang cần.

Cụ thể:

a. Kế hoạch khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT

- Báo cáo tổng kết khảo sát về nhu cầu thị trường lao động liên quan đến chương trình đào tạo đại học các ngành của trường Sư phạm.
- Khảo sát về nhu cầu thị trường lao động liên quan đến chương trình đào tạo đại học các ngành SDH của trường Sư phạm
- Khảo sát thị trường lao động để mở các ngành đào tạo mới
- Khảo sát các trường phổ thông về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo với chương trình giáo dục phổ thông 2018
- Khảo sát về nhu cầu thị trường lao động liên quan đến đào tạo hệ VL-VH
- Khảo sát về nhu cầu thị trường lao động liên quan đến chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ ngắn hạn, chương trình liên thông.

b. Cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và công bố công khai CDR của CTĐT

- Hoàn thiện Khung năng lực, Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo trình độ đại học và công bố công khai
- Điều chỉnh Khung năng lực, Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo đại học hệ VL-VH phù hợp với Thông tư hướng dẫn mới và đáp ứng nhu cầu người học và công bố công khai
- Điều chỉnh Khung năng lực, Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo sau đại học phù hợp với Thông tư hướng dẫn mới và đáp ứng nhu cầu người học và công bố công khai
- Điều chỉnh, cập nhật chương trình bồi dưỡng phù hợp với hướng dẫn mới và nhu cầu người học và công bố công khai

c. Cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo

- Cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo các ngành đào tạo trình độ đại học và công bố công khai
- Cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo các ngành đào tạo trình độ sau đại học và công bố công khai
- Cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo các ngành đào tạo đại học hệ VL-VH và công bố công khai

d. Cập nhật đề cương CTĐT và đề cương môn học/học phần

- Cập nhật đề cương chi tiết các học phần phù hợp với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại và với hình thức dạy học kết hợp theo quy định của Trường ĐH Vinh

- Cập nhật đề cương CTĐT và đề cương học phần hệ đào tạo VL-VH
- Rà soát, cập nhật đề cương các chuyên đề giảng dạy cho các chuyên ngành sau đại học phù hợp với chuẩn đầu ra đã điều chỉnh.

e. Kế hoạch thể hiện các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTĐT

- Trong năm 2022, giảng viên của Trường giảng dạy ở các bậc đại học, sau đại học và hệ đại học VL-VH như sau:

+ Tổng số người học tất cả các hệ: **22.620** SV, HV (chưa tính khoảng **18.000** học viên tham gia các lớp bồi dưỡng)

+ Số lớp dự kiến mở là: **2.082** lớp, tổng số lượt TC theo CTĐT là: **181.653**, số giờ quy chuẩn là: **133.802** giờ (biểu 3a)

+ Tổng số giờ chuẩn định mức giảng dạy phải đảm nhận theo chức danh của trường là: **39.238** giờ; số giờ giảng dạy được miễn giảm là: **4002** giờ; số giờ chuẩn phải đảm nhận đã miễn giảm là: **34.998,8** giờ; số giờ thừa dự kiến là **77.536** giờ (biểu 3a)

+ Tổng số giờ NCKH đăng ký thực hiện là **32.338** giờ; tổng số giờ hoạt động chuyên môn đăng ký thực hiện là **18.245** giờ (biểu 3a)

- Dự kiến các nguồn thu từ đào tạo cấp chứng chỉ ngắn hạn là **40.469.000** VNĐ (biểu 8)

- Tổng thu của đơn vị trong năm 2022 là **112.017.565** VNĐ (biểu 9b); tổng các khoản chi của đơn vị là **61.455.352** VNĐ (biểu 10); chênh lệch thu chi là **50.562.213** VNĐ (biểu 11)

g. Đánh giá/rà soát/cải tiến/thẩm định quy trình thiết kế, phát triển CTĐT

- Đánh giá, rà soát chuẩn đầu ra, khung năng lực, chương trình đào tạo thạc sỹ theo quy định mới. Rà soát, xây dựng đề cương chi tiết các chuyên đề giảng dạy cho cao học theo chuẩn đầu ra và khung năng lực, khung chương trình đào tạo mới.

- Rà soát chuẩn đầu ra, khung năng lực, chương trình đào tạo hệ VL-VH theo quy định mới.

- Rà soát chương trình bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu của chương trình GDPT 2018 và nhu cầu xã hội

h. Khảo sát/dữ liệu khảo sát/báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTĐT.

- Khảo sát các bên liên quan để hoàn thiện chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo thạc sỹ

- Khảo sát các bên liên quan để hoàn thiện chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo hệ VL-VH

- Khảo sát các bên liên quan về các chương trình bồi dưỡng

i. Kế hoạch chi tiết tự đánh giá các CTĐT.

- Tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý giáo dục

2. Công tác dạy học

Triển khai mô hình dạy học hỗn hợp hiệu quả; làm tốt công tác biên soạn bài giảng E-Learning để dạy học trên hệ thống LMS; nghiên cứu và triển khai mô hình quản trị trường học số tại trường đại học/trường phổ thông.

Tăng cường hoạt động kết nối với các trường phổ thông trong việc đào tạo sinh viên sư phạm, mở rộng mạng lưới trường vệ tinh để đáp ứng nhu cầu đào tạo và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên

Tiếp tục vận hành hiệu quả mô hình Rèn luyện NVSPTX cho sinh viên; Mô hình thực hành, thực tế chuyên môn cho các ngành đặc thù .

Tổ chức tốt tháng rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm và tháng rèn nghề, tổ chức Hội thi Nghiệp vụ sư phạm, Hội thi Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp; Hội thi Giảng viên trẻ dạy giỏi cấp Trường.

Đánh giá tính tương thích và phù hợp của quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá và CDR của CTĐT các ngành đào tạo của trường

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để đảm bảo kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo trong bối cảnh phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đặc biệt là các điều kiện đảm bảo để nâng cao chất lượng dạy học trực tuyến.

Tự đánh giá chương trình đào tạo theo kế hoạch

Cụ thể:

a. Các hoạt động đổi mới dạy học như: câu lạc bộ học thuật, dự án, rèn nghề, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp

- Công tác thực hành, thực tế, thực tập rèn luyện nghề cho sinh viên các ngành và giảng viên của trường thực hiện với số kinh phí đề nghị cấp: **1.395.309 VNĐ (biểu 4)**

- Tổ chức hoạt động câu lạc bộ theo kế hoạch (biểu 4)

b. Tài liệu/hội thảo/hội nghị/chuyên đề/tọa đàm liên quan đến thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để đạt được CDR.

- Tổ chức các hội nghị chuyên đề cấp khoa và cấp trường về đổi mới CTĐT

- Báo cáo kinh nghiệm về đổi mới CTĐT

- Cập nhật tài liệu liên quan đến điều chỉnh CTĐT, phát triển CTĐT

c. Công tác cập nhật, bổ sung, biên soạn nguồn tư liệu, giáo trình, sách, báo, phim ảnh phục vụ cho hoạt động dạy học.

- Năm 2020 Trường Sư phạm đề nghị Nhà trường mua bổ sung: **12** tài liệu tham khảo, giáo trình với tổng kinh phí đề nghị cấp là **20.365.000 VNĐ (biểu 5)**

- Giảng viên đăng ký biên soạn **27** giáo trình phục vụ đào tạo (biểu 7b)

d. Đánh giá tính tương thích và phù hợp của quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá và CDR của CTĐT.

- Tổ chức dự giờ cấp Khoa và cấp và cấp Trường để rút kinh nghiệm, đánh giá tính tương thích của CDR

- Phân tích kết quả lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên để đánh giá chuẩn đầu ra của CTĐT

- Phân tích số liệu về kết quả thi của sinh viên để đánh giá tính tương thích và phù hợp của quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá CDR của CTĐT.

e. Dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy học và kết quả học tập.

- Phân tích kết quả lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên để đánh giá quá trình dạy học

- Phân tích kết quả phản hồi từ các bên liên quan và lập kế hoạch cải tiến

g. Công tác kiểm tra đánh giá: quy trình kiểm tra đánh giá, kết quả thi học phần, chấm luận văn tốt nghiệp/ luận án, bài thi định kỳ/cuối kỳ/cuối khóa... của các hệ đào tạo.

- Thực hiện theo các quy định, quy chế kiểm tra đánh giá theo quy định chung của trường Đại học Vinh

- Xây dựng các Rubric đánh giá phù hợp với từng đối tượng, các học phần dạy học theo đồ án, các học phần có tham gia của các trường mầm non, trường phổ thông.

- Rà quy trình đánh giá quá trình của hệ đào tạo đại học chính quy, sau đại học
- Rà soát và cập nhật quy trình kiểm tra đánh giá đối với hệ VL-VH theo chương trình mới

- Rà soát quy trình kiểm tra đánh giá đối với các chương trình bồi dưỡng

i. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ dạy học và cập nhật định mức kinh tế kỹ thuật

Triển khai giảng dạy các ngành đại học chính quy, các chuyên ngành cao học, các chuyên ngành tiến sĩ với tổng số giờ quy chuẩn **133.802** giờ, trong đó giảng viên trong trường đảm nhận là **112.533** giờ, số giờ mời thỉnh giảng trong trường là **11.770** giờ và ngoài trường là **9.498** giờ (biểu 3a)

3. Công tác nghiên cứu khoa học(NCKH) và chuyển giao công nghệ

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển hoạt động Khoa học Công nghệ giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến 2030.

Hình thành và phát triển nhóm nghiên cứu khoa học giáo dục mạnh, có uy tín và ảnh hưởng đến giới nghiên cứu khoa học giáo dục trong nước và khu vực, nhóm nghiên cứu thường xuyên có đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ, trưởng nhóm nghiên cứu và một số thành viên của nhóm nghiên cứu là thành viên của các hội đồng khoa học cấp Quốc gia, hội đồng biên tập các tạp chí khoa học thuộc danh mục tạp chí được tính điểm của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước.

Tập trung khai thác thế mạnh đặc thù của đơn vị về đào tạo giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục để phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước triển khai các nghiên cứu giáo dục có tính liên ngành, trong đó ưu tiên nghiên cứu các vấn đề phục vụ đổi mới và hội nhập giáo dục và đào tạo; tham gia tư vấn các vấn đề chiến lược, chính sách giáo dục ở cấp địa phương và cấp trung ương.

Xây dựng các giải pháp nhằm hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học, khuyến khích cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên tham gia nghiên cứu khoa học.

Nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn, học thuật các công bố khoa học theo hướng các chuyên đề, chuyên mục, đổi mới về hình thức; Xây dựng kế hoạch và chỉ tiêu công bố khoa học trên các tạp chí uy tín, đặc biệt là tạp chí quốc tế.

Tăng cường quản lý sinh hoạt học thuật của học viên cao học và NCS. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học của sinh viên dưới nhiều hình thức khác nhau.

Triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ cấp bách về KHCN do Nhà trường giao. Tăng cường liên kết với các đơn vị trong và ngoài Trường tổ chức các buổi hội thảo khoa học các cấp, hội thảo nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Cụ thể:

- Đề xuất **02** đề tài NCKH cấp Bộ, **06** đề tài NCKH cấp Trường và cấp Trường trọng điểm, **10** đề tài NCKH sinh viên. (biểu 7)

- Tiếp tục triển khai thực hiện **15** đề tài NCKH cấp Bộ, **01** nhiệm vụ KHCN Nhà nước được giao, **01** đề tài nghiên cứu cấp Tỉnh (biểu 7)

- Mỗi cán bộ có ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành. Tăng cường các công bố quốc tế và trong nước có chất lượng thông qua vận hành các nhóm nghiên cứu.

- Đăng ký **04** Hội thảo trong nước (*biểu 7*)
- 100% cán bộ tích cực tham gia thuyết trình seminar chuyên môn.
- Đăng ký **13** nhiệm vụ cho các nhóm nghiên cứu (*biểu 7*)
- Biên soạn hướng dẫn thực hiện kế hoạch NCKH của Trường Sư phạm.
- Tổ chức các hội nghị tổng kết, báo cáo kết quả NCKH của người học và GV: dự kiến **01** hội nghị.
- Đối sánh các CTĐT của Trường SP với các trường đào tạo giáo viên trong nước và quốc tế.

4. Công tác phát triển đội ngũ

Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường SP trong giai đoạn 2021 - 2026 đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, sau khi thực hiện tái cấu trúc thành lập trường Sư phạm. Quy hoạch lại công tác cán bộ gắn với chức năng nhiệm vụ, trong đó đảm bảo số lượng chất lượng cán bộ theo cơ cấu việc làm; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng phẩm chất chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho CB-VC; thực hiện tốt việc quy hoạch cán bộ lãnh đạo nhiệm kỳ 2021 - 2026; thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho CB-VC Trường SP.

Chuyển hoạt động của Bộ môn thành hoạt động của Nhóm chuyên ngành hoặc nhóm nghiên cứu để vừa thực hiện, hỗ trợ cho Trường khoa về công tác quản lý hoạt động đào tạo, nhất là đào tạo sau đại học vừa triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học; Trưởng Bộ môn, Chủ nhiệm chuyên ngành là Trưởng Nhóm chuyên ngành và/hoặc nhóm nghiên cứu.

Xây dựng Đề án vị trí việc làm cho các khoa đào tạo, Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Tiếp tục kiện toàn cơ cấu cán bộ của đơn vị theo nhiệm vụ đào tạo và NCKH, có tính đến định hướng phát triển của các ngành học. Xây dựng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong trường nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và phù hợp với giai đoạn phát triển mới. Thực hiện rà soát và quy hoạch cán bộ đảm nhận công tác giảng dạy, xây dựng tiêu chuẩn và quy trình bổ sung và tiếp nhận cán bộ, đảm bảo đội ngũ cán bộ giảng dạy đủ về số lượng, mạnh về chất lượng.

Quan tâm công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, quy hoạch đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ có học hàm, học vị phù hợp với Đề án vị trí việc làm; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, đánh giá, luân chuyển cán bộ, chú trọng cán bộ nữ, cán bộ trẻ; triển khai kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo CBVC về lý luận chính trị, chuyên môn, quản lý, nghiệp vụ. Công khai, minh bạch chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý các chuyên ngành đào tạo sau đại học; tích cực bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giảng viên,

Tiếp tục triển khai tốt hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức theo kế hoạch được Nhà trường phê duyệt, tiến tới chuẩn hoá đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ; tăng cường và tạo điều kiện để giảng viên tham gia các hoạt động trao đổi khoa học, nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy, nâng cao năng lực đào tạo; Khuyến khích và tạo điều kiện cho các giảng viên học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và nhiệm vụ chính trị được giao; tạo điều kiện cho các giảng viên là Thạc sĩ đi làm NCS, khuyến khích đi học ở nước ngoài.

Cụ thể:

- Rà soát lại quy hoạch các chức danh Giáo sư, Phó giáo sư, xây dựng kế hoạch và động viên giảng viên đăng ký xét tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư.
- Đăng ký xét tuyển Giảng viên chính: **04** giảng viên (biểu 6)
- Dự kiến đào tạo bồi dưỡng: **07** giảng viên đi học Tiến sĩ và **23** giảng viên dự kiến sẽ đi đào tạo, bồi dưỡng khác. (biểu 6)

5. Công tác về người học**5.1. Công tác tuyển sinh**

Nâng cao nhận thức về trách nhiệm cho cán bộ giảng viên về vai trò của công tác tuyển sinh, với mục tiêu tuyển sinh vừa đủ chỉ tiêu đại học, sau đại học và vừa đảm bảo chất lượng đầu vào cho tất cả các ngành

Giao nhiệm vụ cụ thể cho giảng viên, các bộ môn, các ngành trong việc đưa các thông tin tuyển sinh tới các Trường THPT trên địa bàn 3 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và mở rộng địa bàn tuyển sinh tới các tỉnh khác.

Xây dựng hệ thống các cộng tác viên tư vấn thông tin tuyển sinh trong đội ngũ cựu sinh viên của các khoa đang công tác ở trường tiểu học, trường mầm non, trường phổ thông, các Phòng, Ban của Sở Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện tốt việc khảo sát các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh của Trường.

Mở rộng địa bàn quảng bá tuyển sinh, chủ động liên kết với một số đơn vị chức năng ở các địa phương để quảng bá và liên kết tuyển sinh. Phát huy mạnh mẽ vai trò của CBVC, HS, SV, HV để quảng bá hình ảnh của Nhà trường, làm tốt công tác tuyển sinh các bậc học, loại hình đào tạo, khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác tuyển sinh.

Chủ động làm việc với các Sở Giáo dục, Phòng giáo dục và đào tạo, các trường THPT thiết lập hợp tác trong bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên các cấp kết hợp với quảng bá tuyển sinh.

Tăng cường công tác quảng bá tuyển sinh thông qua đối tượng là học viên tham gia bồi dưỡng chương trình giáo dục phổ thông 2018, bồi dưỡng CBQL, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học, giáo viên mầm non. Sử dụng các phương tiện truyền thông như báo chí, facebook, ... phục vụ việc quảng bá tuyển sinh.

Tăng cường vai trò của Ban truyền thông, lập kế hoạch cụ thể theo năm học và có chiến lược quảng bá

5.2. Công tác hỗ trợ người học

Triển khai sổ tay nghiệp vụ về người học cho khóa 62. Bộ phận QLSV phối hợp với GVCN, CVHT lập dữ liệu về kết quả học tập của người học hằng năm và các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của người học; LCD lập dữ liệu tổng hợp các hoạt động người học tham gia vào các câu lạc bộ, các nhóm nghiên cứu, các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi, tài liệu tìm hiểu, báo cáo phản hồi của người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập; CVHT lập nhật ký tư vấn/hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Chỉ đạo làm tốt công tác quản lý sinh viên, học viên về chính trị tư tưởng cũng như nề nếp học tập, rèn luyện. Tăng cường các hoạt động của sinh viên các khoa nhằm tạo cơ hội cho các em sinh viên thuộc các ngành khác nhau ngày càng gắn kết, có thể

hợp tác với nhau trong học tập cũng như trong nghiên cứu khoa học. Triển khai thực hiện sổ tay nghiệp vụ về người học đã tốt nghiệp khóa 58

Phát huy vai trò của đội ngũ nhân viên hỗ trợ: Trợ lý QLSV, Trợ lý đào tạo, Cố vấn học tập,Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, hỗ trợ cho người học. Làm tốt công tác thi đua khen thưởng trong HS, SV, HV. Tiếp tục lấy ý kiến của người học đánh giá các mặt hoạt động, các đơn vị và giảng viên.

Tổ chức tốt các hoạt động Đoàn - Hội và Câu lạc bộ nhằm hỗ trợ người học trong Rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, tạo cơ hội việc làm cho sinh viên.

Tiếp tục phát huy mối quan hệ tốt với các Sở GD và ĐT, các trường phổ thông, các trường mầm non để khảo sát nhu cầu và giới thiệu việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp. Đồng thời thực hiện tốt công tác khảo sát sinh viên sau khi tốt nghiệp về tình trạng việc làm và thu nhập.

6. Công tác cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất tiếp tục được Trường sử dụng hiệu quả phục vụ tốt cho công tác đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo.

Đề xuất bổ sung và tiếp tục quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các công tác khác.

Xây dựng kế hoạch mua sắm, nâng cấp trang thiết bị văn phòng phục vụ đào tạo theo đúng quy định dự kiến là: **644.331.000 VNĐ**.

Cập nhật danh mục giáo trình phục vụ đào tạo và NCKH.

Thường xuyên theo dõi tình trạng sử dụng CSVC. Tiến hành thanh lý các CSVC không sử dụng hoặc đã hư hỏng của Trường.

7. Công tác hợp tác đối ngoại

Tăng cường các sinh hoạt học thuật, mở rộng các hướng công bố kết quả nghiên cứu, tăng cường công bố quốc tế gắn với phân công nhiệm vụ giảng dạy sau đại học.

Tiếp tục chỉ đạo phát huy các ưu thế và thành tích trong nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh các hợp tác quốc gia, quốc tế trên cơ sở các hợp tác đã có và mở rộng mối quan hệ hợp tác mới. Đẩy mạnh các hoạt động của các nhóm nghiên cứu, chủ động tìm hiểu thông tin và tiếp cận các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp.

8. Các công tác khác

Tiếp tục giữ vững ổn định tư tưởng, chính trị trong tập thể cán bộ, viên chức, sinh viên và học viên toàn Trường; không ngừng nâng cao phẩm chất chính trị và lối sống lành mạnh trong toàn thể CB-VC và SV của Trường; phấn đấu 100% CB-VC và SV của trường thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; giữ vững danh hiệu “Trong sạch, vững mạnh” của Đảng bộ bộ phận, các Chi bộ và các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên.

Xây dựng chiến lược phát triển Trường Sư phạm giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030

Xây dựng đề án phát triển Trường Sư phạm thuộc Trường Đại học Vinh thành trường Đại học Sư phạm trực thuộc Đại học Vinh

Xây dựng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, Áp dụng các xu hướng giáo dục công nghệ vào dạy học

Xây dựng chiến lược truyền thông để quảng bá hình ảnh Trường

Chỉ đạo làm tốt công tác quản lý sinh viên, học viên về chính trị tư tưởng cũng như nề nếp học tập, rèn luyện. Tăng cường các hoạt động của sinh viên nhằm tạo cơ hội cho các em sinh viên rèn luyện, phát triển một cách toàn diện.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra toàn diện các hoạt động của Trường.

Kỷ niệm 60 năm thành lập khoa Vật lý, khoa Hóa học

9. Kiến nghị và đề xuất

1. Từng bước bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý theo hướng phân cấp, phân quyền nhằm tăng tính chủ động của Trường Sư phạm trong triển khai các hoạt động về đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc gia và quốc tế, đặc biệt là tự chủ trong các hoạt động dịch vụ giáo dục. Điều chỉnh Quy định về chức năng, nhiệm vụ, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Vinh nhằm làm rõ cơ chế phối hợp giữa các đơn vị cấp 2 trong toàn trường.

2. Nhà trường cần ban hành hướng dẫn thực hiện chế độ làm việc của giảng viên theo quy định hiện hành.

3. Nhà trường cần có chiến lược về công tác cán bộ, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên kế cận cho Trường Sư phạm; trước mắt, cần bổ sung nhân lực ở một số khoa nhằm đảm bảo số lượng và chất lượng trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Nhà trường cần có các giải pháp đồng bộ trong việc triển khai đào tạo tiếp cận CDIO, đặc biệt là công tác tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá.

5. Xem xét chính sách đặc thù nhằm tạo điều kiện, hỗ trợ, khuyến khích công bố các công trình nghiên cứu khoa học, các bài báo quốc tế khối khoa học xã hội và nhân văn, khoa học giáo dục.

6. Rà soát, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, hoàn thiện subweb,... để Trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, tăng cường hiệu quả, chất lượng và duy trì hoạt động thường xuyên.

Trên đây là kết quả các mặt hoạt động của Trường Sư phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 và nhiệm vụ, giải pháp và các chỉ tiêu cơ bản của Trường trong 2022. Với tinh thần đoàn kết, tập thể cán bộ, viên chức, sinh viên và học viên của Trường Sư phạm quyết tâm, thi đua, phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch năm 2022./.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Tiến Hưng

PHẦN 3
Các biểu số liệu chi tiết kế hoạch năm học 2020 – 2021

1. Biểu 1a. Quy mô đào tạo sinh viên chính quy năm 2022
2. Biểu 1b. Quy mô đào tạo sau đại học năm 2022
3. Biểu 1c. Quy mô đào tạo VL-VH, Từ xa năm 2022
4. Biểu 2a. Kế hoạch đào tạo – Giảng dạy của đơn vị năm 2022
5. Biểu 3a. Tổng hợp số giờ quy chuẩn đơn vị phải đảm nhận giảng dạy năm tài chính 2022 theo đơn vị
6. Biểu 3a. Tổng hợp số giờ quy chuẩn đơn vị phải đảm nhận giảng dạy năm tài chính 2022 toàn trường
7. Biểu 4. Bảng tổng hợp các hoạt động đào tạo, Thực hành-Thí nghiệm đề nghị cấp kinh phí tài chính năm 2022
8. Biểu 5. Bảng tổng hợp tài sản, công cụ, dụng cụ đề nghị Nhà trường mua sắm năm tài chính 2022
9. Biểu 6. Công tác tổ chức cán bộ và kế hoạch học tập, bồi dưỡng năm 2022
10. Biểu 7a. Kế hoạch đăng ký nghiên cứu khoa học năm tài chính 2022
11. Biểu 7b. Kế hoạch xuất bản giáo trình năm tài chính 2022
12. Biểu 8. Kế hoạch giảng dạy và đào tạo ngắn hạn cấp chứng chỉ năm tài chính 2022
13. Biểu 9a. Tổng thu của đơn vị đào tạo đại học và sau đại học theo khối ngành
14. Biểu 9b. Tổng thu của các đơn vị đào tạo theo niên chế/học phí có định mức theo tháng
15. Biểu 10. Tổng hợp các khoản chi năm tài chính 2022
16. Biểu 11. Tổng hợp thu chi năm tài chính 2022
17. Các biểu khác: Các dự toán chi tiết

